

S, ngày 21 tháng 3 năm 2023

Số: 72/2023/QĐST-HNGĐ

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 82/2023/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 02 năm 2023, về việc “Tranh chấp Hôn nhân và gia đình”, giữa:

Nguyên đơn: Chị **Trần Thị N** - Sinh năm: 1987.

Địa chỉ: Thôn P, xã P, huyện S, tỉnh Tuyền Quang.

Bị đơn: Anh **Lê Văn N1** - Sinh năm: 1986.

Địa chỉ: Thôn P, xã P, huyện S, tỉnh Tuyền Quang.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 55; khoản 1, khoản 2 Điều 81; khoản 1, khoản 3 Điều 82; khoản 2 Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 6 Điều 19; khoản 7 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 “Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án”.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 13 tháng 3 năm 2023.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 13 tháng 3 năm 2023 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Trần Thị N và anh Lê Văn N1.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- **Về quan hệ hôn nhân:** Chị Trần Thị N và anh Lê Văn N1 thuận tình ly hôn.

- **Về con chung:** Chị Trần Thị N và anh Lê Văn N1 thoả thuận nhất trí:

+ Giao cháu Lê Thị Thanh N2 – Sinh ngày: 09/8/2007 cho chị Trần Thị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi cháu N2 trưởng thành, đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

+ Giao cháu Lê Hải D – Sinh ngày: 06/7/2009 cho anh Lê Văn N1 trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi cháu D trưởng thành, đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Về phần cấp dưỡng nuôi con: Chị Trần Thị N và anh Lê Văn N1 tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị Trần Thị N và anh Lê Văn N1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trên cơ sở lợi ích của con, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc cấp dưỡng nuôi con.

- **Về tài sản chung và công nợ:** Chị Trần Thị N và anh Lê Văn N1 đề nghị Tòa án ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận về phần tài sản chung theo Văn bản tự thỏa thuận về tài sản chung của vợ chồng lập ngày 27/02/2023 như sau:

Anh Lê Văn N1 và chị Trần Thị N cùng xác định tài sản chung của vợ chồng gồm:

+ 01 Ngôi nhà xây cấp 4, diện tích 60m², xây dựng năm 2011 tại thôn P, xã P, huyện S, tỉnh Tuyên Quang (Toàn bộ diện tích ngôi nhà được xây dựng trên diện tích đất của ông Lê Văn Vận và bà Nguyễn Thị Quế).

+ 01 xe máy nhãn hiệu YAMAHA SIRIUS; BKS 22B2-017.73; mua năm 2016, đã qua sử dụng.

+ 01 xe máy nhãn hiệu HONDA AIRBLADE; BKS 22S1-294.03; mua năm 2019, đã qua sử dụng.

+ 01 Giường nhựa màu trắng pha gỗ, kích thước 02m x 2,2m; mua năm 2021.

+ 01 Tủ quần áo nhựa màu trắng, 02 buồng; mua năm 2021.

+ 01 Tủ lạnh nhãn hiệu PANASONIC, mua năm 2021.

+ 01 Điều hòa mua năm 2022.

+ 01 Máy giặt mua năm 2020.

+ 01 Bình nóng lạnh mua năm 2019.

+ 01 Ti vi SONY, 49 inch, mua năm 2020.

+ 01 Bộ bàn ghế gỗ sồi, mua năm 2020.

+ 01 Bàn trang điểm bằng gỗ, mua năm 2022.

Anh Lê Văn N1 và chị Trần Thị N tự nguyện thỏa thuận về phần tài sản chung như sau :

1. Anh **Lê Văn N1** được quyền sở hữu, quản lý, sử dụng tài sản gồm:

+ 01 Ngôi nhà xây cấp 4, diện tích 60m², xây dựng năm 2011 tại thôn P, xã P, huyện S, tỉnh Tuyên Quang (Toàn bộ diện tích ngôi nhà được xây dựng trên diện tích đất của ông Lê Văn Vận và bà Nguyễn Thị Quế).

+ 01 xe máy nhãn hiệu YAMAHA SIRIUS; BKS 22B2-017.73; mua năm 2016, đã qua sử dụng.

+ 01 Máy giặt mua năm 2020.

+ 01 Bình nóng lạnh mua năm 2019.

+ 01 Ti vi SONY, 49 inch, mua năm 2020.

+ 01 Bộ bàn ghế gỗ sồi, mua năm 2020.

2. Chị **Trần Thị N** được quyền sở hữu, quản lý, sử dụng tài sản gồm:

+ 01 xe máy nhãn hiệu HONDA AIRBLADE; BKS 22S1-294.03; mua năm 2019, đã qua sử dụng.

+ 01 Giường nhựa màu trắng pha gỗ, kích thước 02m x 2,2m; mua năm 2021.

+ 01 Tủ quần áo nhựa màu trắng, 02 buồng; mua năm 2021.

+ 01 Tủ lạnh nhãn hiệu PANASONIC, mua năm 2021.

+ 01 Điều hòa mua năm 2022.

+ 01 Bàn trang điểm bằng gỗ, mua năm 2022.

Anh Lê Văn N1 và chị Trần Thị N cam đoan tài sản không có khiếu kiện hoặc tranh chấp gì.

- **Về án phí:** Chị Trần Thị N và anh Lê Văn N1 thỏa thuận nhất trí để chị Trần Thị N chịu 150.000^d án phí sơ thẩm ly hôn được khấu trừ vào số tiền 300.000^d theo biên lai số AA/2021/0002635 nộp ngày 27/02/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện S, tỉnh Tuyên Quang. Trả lại cho chị Trần Thị N 150.000^d tiền chênh lệch tạm ứng án phí.

Anh Lê Văn N1 không phải chịu án phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện S;
- Chi cục THADS huyện S;
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- UBND xã P (Nơi ĐKKH);
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Việt Cường